

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSMT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSMT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Mức độ đáp ứng về chủng loại vật tư sử dụng		
1.1.1 Cung cấp bảng Vật tư bao gồm: Tất cả các loại vật tư và thiết bị sử dụng cho công trình	<p>* Tất cả các loại vật tư, thiết bị Phải nêu rõ;</p> <p>- Nêu rõ nguồn gốc, Nêu rõ Xuất xứ, Nêu rõ Chủng loại, nhãn hiệu (không có nhãn hiệu thì nêu nơi khai thác), Nhà cung cấp (đơn vị sản xuất).</p> <p>- Đối với Các vật tư:</p> <p>+ Xi măng, cốt thép;</p> <p>+ Cát san lấp, cát vàng, đá 1x2, đá mi, cấp phối đá dăm;</p> <p>+ Vải địa kỹ thuật, Nhựa đường;</p> <p>Nhà thầu phải có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho công trình này (Kèm theo hợp đồng nguyên tắc, giấy đăng ký kinh doanh, giấy xác nhận ngành nghề kinh doanh, trường hợp là cá nhân thì kèm theo CMND/CCCD). Trường hợp nhà thầu có chức năng kinh doanh vật liệu xây dựng thì nhà thầu phải có bản cam kết cung cấp cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, kèm theo tài liệu chứng minh (<i>Nhà thầu gửi kèm Giấy xác nhận ngành nghề kinh doanh</i>).</p>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.1.2 Thí nghiệm vật liệu	<p>- Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê;</p> <p>- Nhà thầu hoặc bên cho thuê phải chứng minh được phòng thí nghiệm có mã LAS-XD do Bộ Xây dựng cấp còn hiệu lực;</p> <p>- Phòng thí nghiệm Phải có chức năng thí nghiệm tất cả các chỉ tiêu phù hợp với gói thầu này (Kèm theo tài liệu chứng minh).</p>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.2. Giải pháp kỹ thuật		
1.2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: + Lán trại; + Kho bãi Thiết bị thi công; + Kho bãi vật liệu, chất thải, + Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, + Cấp nước, thoát nước,	Có bản vẽ mặt bằng bố trí; Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có bản vẽ mặt bằng bố trí; Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt

giao thông, liên lạc trong quá trình thi công:		
1.2.2 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công đặc, định vị mốc ranh, tim trục công trình, mốc tọa độ và cao độ	Có giải pháp kỹ thuật (kèm theo bản vẽ minh họa) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không kèm theo bản vẽ minh họa; Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
1.2.3. Giải pháp kỹ thuật xây dựng: của Tất cả hạng mục công trình theo yêu cầu kỹ thuật	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Không đạt
1.3. Biện pháp thi công xây dựng		
Biện pháp thi công xây dựng: Tất cả các hạng mục theo Thiết kế BVTC Kèm theo và nội dung đầu mục công việc thực hiện trong khối lượng yêu cầu bao gồm: Đường chính, Tường chắn, Kè chống xói lở, An toàn giao thông và các hạng mục phụ trợ + Bố trí đủ các mũi thi công, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các công việc chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật + Đảm bảo đủ các công tác thi công xây dựng theo Thiết kế BVTC và nội dung công việc thực hiện.	Tất cả các hạng mục Thiết kế và nội dung đầu mục công việc thực hiện trong khối lượng yêu cầu đáp ứng các yêu cầu sau: + Có thuyết minh Biện pháp thi công và Bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Bố trí đủ các mũi thi công, tổ đội thi công. - Thể hiện được trình tự thi công chi tiết với đầy đủ các thành phần công việc của hạng mục theo HSTK một cách hợp lý, logic; - Mỗi trình tự thi công được mô tả phù hợp với HSTK, giải pháp tổ chức thi công tổng thể, phù hợp với điều kiện huy động nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đã đề xuất	Đạt
	Không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Tiến độ thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá: 180 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt

quá: 180 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá: 180 ngày.	Không đạt
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa cung cấp vật tư và tiến độ thi công Công tác cung ứng vật tư; sử dụng thiết bị thi công hiệu quả; huy động, bố trí nhân sự; tổ chức và sử dụng hợp lý nguồn công nhân kỹ thuật và biểu đồ huy động.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c). - Có đề xuất giải pháp bảo đảm cung cấp đầy đủ và đồng bộ vật liệu xây dựng; sử dụng thiết bị thi công hiệu quả; huy động, bố trí hợp lý nhân sự chủ chốt, sử dụng hợp lý nguồn công nhân kỹ thuật bảo đảm phục vụ thi công liên tục, không bị gián đoạn, phù hợp với tiến độ thi công đề xuất. - Có biểu đồ bố trí thời gian huy động Thiết bị thi công chủ yếu hợp lý, phù hợp (số lượng yêu cầu tối thiểu tại Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu) với tiến độ và kế hoạch triển khai thực hiện thi công gói thầu. - Có biểu đồ bố trí thời gian huy động Nhân sự chủ chốt hợp lý, phù hợp (số lượng yêu cầu tối thiểu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt) với tiến độ và kế hoạch triển khai thực hiện thi công gói thầu - Có Biểu đồ cung ứng vật tư chính. - Có Biểu đồ huy động công nhân kỹ thuật dự kiến sử dụng cho công trình tất cả phải phù hợp với tiến độ thi công.	Đạt
	Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c). Không đề xuất hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết và hợp lý giữa biểu đồ huy động và số lượng/khối lượng theo yêu cầu.	Không đạt
2.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết đầy đủ các hạng mục chính: hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi đầy đủ các hạng mục chính và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, Không đầy đủ các hạng mục chính không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người: Vị trí Chỉ huy trưởng công trường và các nhân sự chủ chốt phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của: Vị trí Chỉ huy trưởng công trường và các nhân sự chủ chốt, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
3.2 Bảo đảm giao thông: An toàn ra vào công trình cho công nhân và người dân trong khu vực.	Đề xuất đầy đủ, cụ thể và khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công: các hạng mục theo Thiết kế BVTC và nội dung công việc thực hiện	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
4.3. Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán.	Có quy trình biện pháp quản lý hợp lý, khả thi phù hợp với các quy định của pháp luật.	Đạt
	Không có quy trình biện pháp quản lý hợp lý, khả thi hoặc có quy trình biện pháp quản lý nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với các quy định của pháp luật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không	Không đạt

	đạt.	
--	------	--

5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.3. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3, đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 18 tháng và thuyết minh chế độ bảo hành và nhiệm vụ của nhà thầu trong quá trình bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 18 tháng và thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 18 tháng hoặc không có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Không đạt

6.2. Bảo trì		
Thuyết minh chế độ bảo trì và nhiệm vụ của nhà thầu trong quá trình bảo trì	Có Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Đạt
	Không có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2 đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
- Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu các công trình/dự án trước đó trong vòng 03 năm (2022, 2023 và 2024) trở lại đây.	<p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.</p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về</p>	Không Đạt

	<p>việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước</p>	
	<p>Không vi phạm bất kỳ điểm nào trong các điểm nêu trên.</p> <p><i>(Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận)</i></p>	Đạt
<p>- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm (2022, 2023 và 2024) trở lại đây.</p>	<p>- Không có hợp đồng xây dựng vi phạm dẫn đến bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>- Không có hợp đồng xây dựng bỏ dở do lỗi của nhà thầu.</p> <p><i>(Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận).</i></p>	Đạt
	<p>Không có đầy đủ bản cam kết hoặc có cam kết nhưng Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu gian lận.</p>	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.